ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC THỦY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1019 /QĐ-UBND	*Lạc Thủy, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cứng hoá đường giao thông nông thôn các thôn trên địa bàn xã Lạc Thuỷ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ, điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Văn bản số 2844/UBND-VP ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Thủy về việc giao cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với các dự án trên địa bàn xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 3165/UBND-KT ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Thủy về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 63101/TBTĐ-KT ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Lạc Thủy về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cứng hoá đường giao thông nông thôn các thôn trên địa bàn xã Lạc Thuỷ,;

Theo Đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án xã Lạc Thủy tại Tờ trình số 159/TTr-BQLDA ngày 23 tháng 10 năm 2026; Đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 634/TTr-KT ngày 23 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cứng hoá đường giao thông nông thôn các thôn trên địa bàn xã Lạc Thuỷ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cứng hoá đường giao thông nông thôn các thôn trên địa bàn xã Lạc Thuỷ.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, nhóm C; công trình Giao thông, cấp IV;

3. Địa điểm xây dựng: Xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lạc Thủy.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án xã Lạc Thủy;

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 306 Hòa Bình (mã số doanh nghiệp 5400358991).

7. Mục tiêu dự án: Nâng cao chất lượng giao thông vận tải trong khu vực, từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh chóng đưa địa phương hòa nhập với sự phát triển chung của tỉnh, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh quốc phòng tại địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đã được Ban Thường vụ Đảng ủy xã Lạc Thủy nhất trí theo Thông báo số 68-TB/VP ngày 18/9/2026 tại Hội nghị lần thứ 45.

- Dự án Cứng hoá đường giao thông nông thôn các thôn trên địa bàn xã Lạc Thuỷ có tổng chiều dài 2.620,53m, gồm 07 tuyến, chiều rộng mặt đường theo hiện trạng.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông, kè nền đường và thoát nước trên tuyến.

8.1 Giải pháp thiết kế:

- Cơ tuyến thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện có, chỉ tiến hành cải tạo một số đoạn tuyến cục bộ để đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường. Tổng chiều dài là 2.620,53m, gồm 07 tuyến:

+ Tuyến 1: Chiều dài 1.104,25m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường bê tông nhựa rộng 5m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km1+104,25 giao với đường bê tông nhựa rộng 5m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 2: Chiều dài 772m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với tuyến 1 tại cọc D6 Km0+182,28. Điểm cuối tuyến Km0+772 nối với đường bê tông nhựa rộng 4,25m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 3: Chiều dài 187,68m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường bê tông xi măng rộng 3m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km0+187,68 kết thúc tại thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 4: Chiều dài 172,51m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường bê tông nhựa rộng 3m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km0+172,51 kết thúc tại thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 5: Chiều dài 135,33m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường bê tông nhựa rộng 3m thuộc thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km0+135,33 kết thúc tại thôn Đồng Làng, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 6: Chiều dài 145,15m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với QL21A tại Km90+470 thuộc thôn Đồng Tâm, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km0+145,15 kết thúc tại thôn Đồng Tâm, xã Lạc Thủy.

+ Tuyến 7: Chiều dài 61,79m điểm đầu tuyến Km0+00 giao với QL21A tại Km90+087 thuộc thôn Đồng Tâm, xã Lạc Thủy. Điểm cuối tuyến Km0+61,79 kết thúc tại thôn Đồng Tâm, xã Lạc Thủy

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: R_{min} =10m.

8.2. Trắc dọc:

- Cao độ đường đỏ được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế: Điểm đầu, điểm cuối tuyến; các vị trí công trình thoát nước; thuỷ văn tuyến đường.

- Độ dốc dọc lớn nhất: I_{dmax}=6,05%.

- Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất: R_{min}=300m.

- Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất: R_{min}=230m.

8.3. Nền đường:

** Tuyến 1:* Chiều rộng nền đường $B_{nền}$=5,0m (không kể rãnh dọc), nền đường đắp đất cấp 3 đầm K ≥ 0,95.

** Tuyến 2, 3, 4, 5, 6, 7:*

- Chiều rộng nền đường $B_{nền}$=4,0m (không kể rãnh dọc), nền đường đắp đất cấp 3 đầm K ≥ 0,95.

- Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/0,75.

- Độ dốc mái taluy nền đường đắp 1/1,50.

- Gia cố mái ta luy nền đắp đoạn từ lý trình: Km0+780,08 - Km1+68,16 (bên phải tuyến 1), chiều dài L=288,08m. Kết cấu như sau: Gia cố mái taluy bằng bê tông xi măng (BTXM) mác 200, đá 1x2, dày 15cm, bố trí 01 lưới thép D8mm chống nứt, bước thép a=200, dưới đệm vữa xi măng mác 75, dày 2cm;

chân khay bằng BTXM mác 200 đá 2x4, dưới đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm; độ dốc mái taluy 1/1.

8.4. Mặt đường bê tông nhựa:

Tuyến 2 (từ TD21 - KC), Tuyến 6:

- Thiết kế chiều rộng mặt đường trung bình $B_{mặt}$=4,1m-4,6m.

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_{mặt}$=2%.

- Kết cấu mặt đường như sau:

+ Kết cấu mặt đường tăng cường (Kết cấu loại I): Lớp thảm bê tông nhựa chặt C16 dày 07cm; Bù vênh bê tông nhựa chặt C16 dày 03cm; Tưới dính bám nhựa 0,8kg/m2; Mặt đường bê tông cũ.

+ Kết cấu mặt đường mở rộng (Kết cấu loại II): Lớp thảm bê tông nhựa chặt C16 dày 07cm; Tưới thấm bám nhựa 0,8kg/m^2; Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1, đầm chặt K=0,95 dày 15cm; Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2, đầm chặt K=0,95 dày 18cm; Lớp đất đầm chặt K = 0,95.

8.5. Mặt đường bê tông xi măng:

** Tuyến 1:*

- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$=3,5m.

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_{mặt}$=2%.

* Tuyến 2 (từ K0 – TD21), 3, 4, 5, 7:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$=3,0m.

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_{mặt}$=2%.

- Kết cấu mặt đường như sau: Mặt đường bằng BTXM mác 250, đá 2x4, dày 18cm; lớp giấy dầu ngăn cách; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại II, dày 12cm.

- Tuyến 1 thiết kế khe co với khoảng cách 5m/khe, 14 khe co bố trí 1 khe dãn khe dãn với khoảng cách 75m/khe.

- Tuyến 2 (từ K_0-TD21), 3, 4, 5, 7 thiết kế khe co với khoảng cách 4,5m/khe, 14 khe co bố trí 1 khe dãn khe dãn với khoảng cách 67,5m/khe.

- Khe co, khe dãn, khe dọc không bố trí thanh truyền lực theo quy định.

- Tạo nhám mặt đường bằng những khe sâu từ 1,5-2mm, khoảng cách giữa 2 rãnh tạo nhám không lớn hơn 20mm, bê rộng rãnh tạo nhám không lớn hơn 2mm.

8.6. Lề đường đường bê tông xi măng:

** Tuyến 1:*

+ Chiều rộng lề đường: Blề = 2x0,75m

+ Gia cố mỗi bên 0,5 như kết cấu mặt đường trên tuyến.

** Tuyến 2 (từ K0 – TD21), 3, 4, 5, 7:*

+ Chiều rộng lề đường: Blề = 2x0,5m

+ Gia cố mỗi bên 0,25 như kết cấu mặt đường trên tuyến

+ Độ dốc ngang lề đường gia cố: Ilềgc = 2%.

+ Độ dốc ngang lề đường: Ilề = 4%.

+ Đắp đất đầm chặt K95

- Tại những vị trí gia cố rãnh, gia cố mái taluy lề đường được gia cố như kết cấu mặt đường.

8.7. Rãnh dọc:

- Thiết kế rãnh dọc đào trần hình thang, kích thước tiết diện lòng rãnh (0,3x0,4x1,0)m.

- Tuyến 1 thiết kế xây dựng gia cố rãnh thoát nước dọc bằng tấm bê tông xi măng dày 7cm; đáy rãnh bê tông xi măng mác 200, đá 1x2 đổ tại chỗ, thành rãnh bằng tấm bê tông đúc sẵn mác 200, đá 1x2; kích thước tiết diện lòng rãnh (0,3x0,4x1,0)m chiều dài rãnh L=160,2m

8.8 Nút giao:

- Công trình có 05 nút giao, gồm: 03 nút giao tại tuyến 2; 01 nút giao dân sinh tuyến 3; 01 nút giao dân sinh tuyến 6. Nút giao được thiết kế phù hợp với quy mô tiêu chuẩn cấp đường và phù hợp với điều kiện địa hình phạm vi nút giao.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

TT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Mặt đường ô tô - xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
2	Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
3	Tiêu chuẩn Quốc gia Bitum - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7493:2005
4	Tiêu chuẩn Quốc gia mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3 mét	TCVN 8864:2011
5	Công tác đất quy phạm thi công nghiệm thu	TCVN 4447-2012
6	Đất xây dựng các phương pháp xác định tính chất cơ lí của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195÷4202-2012
7	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
8	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
9	Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng	TCVN 9361:2012
10	Quy trình thí nghiệm bê tông xi măng	22TCN 60-84
11	Quy trình thí nghiệm bê tông xi măng	TCVN 3105:2022
12	Bê tông nặng - Phương pháp thử độ sụt	TCVN 3106-2022
13	Bê tông nặng - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105-2022
14	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011

TT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
15	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
16	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
17	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
18	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
19	Cốt thép dùng cho bê tông	TCVN 1651:2008
20	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng	TCVN 5709:2009
21	Áp dụng thiết kế điển hình cầu bản bê tông cốt thép mố nhẹ bê tông	531- 11 - 02

- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành khác có liên quan .

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 7.322.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.123.405.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 164.714.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 606.641.000 đồng.
- Chi phí khác: 123.421.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 303.819.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (tích hợp 03 chương trình) xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bố trí trong kế hoạch vốn năm 2026 theo phân bổ của cấp có thẩm quyền.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ban quản lý dự án xã Lạc Thủy (Chủ đầu tư) có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của số liệu, tài liệu trong hồ sơ trình thẩm định và hồ sơ trình phê duyệt; tổ chức thực hiện dự án đúng nội dung được phê duyệt, bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư;

b) Cập nhật tổng mức đầu tư, dự toán và các thông tin của dự án vào Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, đề nghị cấp mã định danh dự án theo quy định;

c) Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu khối lượng theo hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt;

d) Quản lý chất lượng, an toàn lao động và bảo trì công trình theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; kiểm soát chất lượng vật liệu, cấu kiện đưa vào công trình theo quy định;

đ) Hoàn thiện hồ sơ pháp lý về bàn giao mặt bằng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Ban Quản lý dự án xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT/UBND xã;
- C/PC VP HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngọ Đình Tâm